

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2022/HS-ST

Ngày: 09-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh.

2. Ông Phan Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 297/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 338/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 với:

Bị cáo **Phạm Minh D.**

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam

Sinh năm 1998.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Phước An B, xã M1, huyện M2, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: ấp Thái Hòa, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Họ tên cha: Phạm Quang S - sinh năm 1956 (Đã chết).

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T – sinh năm 1964 (Còn sống).

Gia đình có 08 anh chị em, D là con thứ tám và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 09-12-2018 đến 18-12-2018. Bị bắt theo quyết định truy nã vào ngày 04-3-2022, chuyển tạm giam theo Lệnh số

408/LTG ngày 11-3-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Văn Quyến, Phạm Minh D, Nguyễn Thành Đ quen biết nhau và đều là đối tượng nghiện ma túy tổng hợp (hàng đá). Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08-12-2018, Q, D và Đ rủ nhau góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng, Q góp 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), D góp 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), Đ góp 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Đ điều khiển xe mô tô biển số 60B9-12558 chở D và Q đến khu vực Cầu Sập thuộc phường T, thành phố B. Tại đây, Q mua của 01 thanh niên tên T (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau đó, cả ba đem ma túy về phòng trọ của Q tại tổ 20, khu phố 8A, phường L, thành phố B, Q chia thành 03 gói nhỏ và chia mỗi người giữ 01 gói.

Đ giấu gói ma túy mà Đ giữ vào dưới bàn thờ ông địa trong phòng trọ của Q. Diệu giấu gói ma túy mà D giữ vào ống quần bên phải D đang mặc. Q giấu gói ma túy mà Q giữ vào dưới bếp ga trong phòng trọ của Q.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường L kiểm tra phòng trọ phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang.

Ngày 18-3-2020, Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 Bộ luật hình sự. Riêng Phạm Minh D được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng đã bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định truy nã. Ngày 04-3-2022, Diệu bị Công an tỉnh Đồng Nai bắt theo quyết định truy nã.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Minh D khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng dưới bếp ga trong phòng trọ của Quyến đã được niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Văn Q và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường L. (Kí hiệu M1).

- 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng trong ống quần bên phải D đang mặc đã được niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Minh D và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường L. (Kí hiệu M2)

- 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng dưới bàn thờ ông địa trong phòng trọ của Q đã được niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Thành Đ và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường L. (Kí hiệu M3).

- 01 nỏ thủy tinh.

* Đối với xe mô tô biển số 60B9-01258: D khai mượn và đã trả lại cho một người bạn (không rõ lai lịch) nên Cơ quan điều tra không giữ.

* Tại kết luận giám định số 43/PC09-GĐMT ngày 14-12-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2188 gam loại: Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0475 gam loại: Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2026 gam loại: Methamphetamine.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 318/CT-VKSBH-HS ngày 30/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Phạm Minh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng điểm c khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Phạm Minh D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở lại với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Những chứng cứ xác định có tội:** Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận giám định, biên bản ghi lời khai người chứng kiến cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 08-12-2018, tại nhà không số thuộc tổ 20 khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn Q, Phạm Minh D, Nguyễn Thành Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,4689 gam Methamphetamine thì bị Công an phường L thành phố B phát hiện bắt quả tang.

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Phạm Minh D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 318/CT-VKSBH-HS ngày 30/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn phải truy nã, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra và việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

Đã được xử lý tại bản án số 122/2020/HSST ngày 18-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với người thanh niên tên T (chưa rõ lai lịch) đã bán ma túy cho Nguyễn Văn Q, Phạm Minh D, Nguyễn Thành Đ; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Phạm Minh D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 3 năm 2022, được trừ đi thời gian bị giam giữ trước từ ngày 09 tháng 12 năm 2018 đến ngày 18 tháng 12 năm 2018.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Minh D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.B
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thành Thị Thu Trang

